

Bản án số: 272/2020/HS-PT

Ngày: 11/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 53/2020/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Lê Đại V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đại V, sinh năm 1953; ĐKKHKT và nơi cư trú: Số nhà 5 ngõ 176 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ mất sức; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Đinh Thị T1; có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 6/1972 đến tháng 12/1981 chuyển ngành; được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đại V nhập ngũ tháng 6/1972, công tác tại Bệnh viện 110- Cục hậu cần Quân khu I. Tháng 11/1981, chuyển ngành về công tác tại cửa hàng dược phẩm L, tỉnh Hà Nam. Khi chuyển ngành Lê Đại V được Cục quân y cấp Quyết định chuyển ngành số 822/QY-9 ngày 12-11-1981 có nội dung số hiệu quân nhân 70-46158, nhập ngũ tháng 6/1972, thời gian công tác liên tục trong quân đội 09 năm 06 tháng và 01 Lý lịch quân nhân do Lê Đại V tự khai, có xác nhận của Bệnh viện 110 với nội dung: nhập ngũ tháng 6/1970.

Tháng 12/1990, Lê Đại V đã sửa tháng 6/1972 thành tháng 6/1970 tại nội dung “nhập ngũ” và 09 năm 06 tháng thành 11 năm 06 tháng tại nội dung “thời gian công tác liên tục” trong Quyết định chuyển ngành số 822/QY-9 và sử dụng quyết định này lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ mất sức lao động dài hạn.

Tháng 12/1990, Lê Đại V đã được nghỉ hưởng chế độ mất sức lao động dài hạn theo Quyết định số 846 ngày 12-12-1990 với nội dung: thời gian công tác quy đổi để tính là 25 năm 10 tháng và được hưởng chế độ mất sức lao động từ ngày 01-12-1990 theo Nghị định số 236 ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 48 ngày 20-10-1985 của Bộ lao động Thương binh và xã hội.

Như vậy, thực tế Lê Đại V có thời gian công tác trong quân đội 09 năm 06 tháng. Tổng cộng thời gian công tác thực tế là 18 năm 07 tháng. Theo Thông tư số 08/TT-LB ngày 25-8-1986 của liên bộ Bộ Lao động Thương binh và xã hội và Bộ Quốc phòng thì thời gian công tác quy đổi là 22 năm 02 tháng nên chỉ được hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 12/1990 đến tháng 12/2001 dừng hưởng trợ cấp và đến tháng 11/2013 Lê Đại V được hưởng lại do đã đủ 60 tuổi theo quy định tại Quyết định số 60 ngày 01-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng; Quyết định số 812-TTg ngày 12-12-1995 và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06-5-2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại Cơ quan điều tra Lê Đại V khai nhận: Năm 1990 khi nghỉ hưởng theo chế độ nghỉ mất sức. Lê Đại V đã sửa Quyết định chuyển ngành số 822/QY-9 ngày 12-11-1981 để tăng thêm thời gian đi bộ đội là 11 năm 06 tháng (tháng 6/1970 – 12/1981) và có tổng cộng thời gian công tác thực tế là 22 năm, thời gian công tác đã quy đổi là 25 năm 02 tháng để đủ điều kiện hưởng chế độ mất sức lao động dài hạn theo quy định tại Quyết định số 60 ngày 01-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Mặc dù biết thực tế bản thân có thời gian công tác trong quân đội là 09 năm 06 tháng (tháng 6/1970 - 12/1981), tổng cộng thời gian công tác thực tế là 18 năm 07 tháng, thời gian công tác quy đổi là 22 năm 02 tháng không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp mất sức lao động dài hạn mà chỉ được hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 12/1990 đến tháng 12/2001, nhưng Lê

Đại V đã dùng Quyết định chuyển ngành và sửa Lý lịch quân nhân tự khai gian dối thời gian nhập ngũ để lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp mất sức lao động dài hạn. Năm 2010, Lê Đại V dùng Lý lịch quân nhân đề nghị Bệnh viện 110-Cục hậu cần Quân khu I cấp Giấy xác nhận và đã được Bệnh viện 110 cấp 01 Giấy xác nhận về việc xác nhận thời gian công tác trong quân đội số 99/XN-BV ngày 11-3-2010 với nội dung: nhập ngũ tháng 4/1970 để nộp bổ sung vào hồ sơ hưởng chế độ mất sức. Lê Đại V đã nhận tiền chế độ mất sức lao động liên tục từ tháng 12/1990 đến nay.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định cung cấp: Từ tháng 01-2002 đến tháng 10-2013 Lê Đại V đã chiếm hưởng tổng số tiền là 110.297.100 đồng tiền trợ cấp mất sức lao động.

Quá trình điều tra, Lê Đại V đã tự nguyện nộp số tiền là 30 triệu đồng để khắc phục hậu quả.

Theo Thông báo kết quả giám định số 30/GĐKTHS-P11 ngày 29-11-2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận: Trên Quyết định chuyển ngành số 822/QY-9 ngày 12-11-1981 tại mục “nhập ngũ” chữ số “0” trong cụm số 1970 được chữa từ chữ số “2” nguyên thủy; tại mục “thời gian công tác liên tục” chữ số “11” được chữa từ chữ số “09” nguyên thủy. Không đủ điều kiện để đánh giá dấu hiệu bất thường trên Lý lịch quân nhân ghi Lê Đại V.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 19/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đại V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Đại V 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí và thông báo quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2019, bị cáo Lê Đại V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đại V thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Đại V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xử phạt bị cáo Lê Đại V mức án 30 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V thành khẩn khai báo, tiếp tục khắc phục hậu quả số tiền chiếm đoạt thêm 20.000.000đ và nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Do có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo Lê Đại V từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đại V thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; Bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Lê Đại V có thời gian tham gia quân đội, công tác tại Bệnh viện 110- Cục Hậu Cần Quân khu I đến tháng 11/1981 chuyển ngành về công tác tại cửa hàng dược phẩm L, tỉnh Hà Nam. Năm 1990 khi nghỉ hưởng chế độ nghỉ mất sức, mặc dù biết rõ bản thân có thời gian công tác trong quân đội 09 năm 06 tháng (từ tháng 6/1972- tháng 11/1981), tổng cộng thời gian công tác thực tế là 18 năm 07 tháng, thời gian công tác quy đổi là 22 năm 02 tháng, không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp mất sức lao động dài hạn mà chỉ được hưởng trợ cấp mất sức lao động từ tháng 12/1990 đến tháng 12/2001. Nhưng Lê Đại V đã khai gian dối, sửa chữa các giấy tờ để hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động dài hạn, chiếm đoạt 110.297.100đ từ ngân sách Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Đại V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đại V, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Lê Đại V có nhiều năm tham gia công tác trong quân đội, do hiểu biết pháp luật hạn chế nên nhất thời phạm tội để hưởng chế độ của Nhà nước

không đúng quy định. Bị cáo Lê Đại V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo Lê Đại V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp (30.000.000đ); bị cáo có thời gian cống hiến trong quân đội và được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đại V xuất trình biên lai nộp số tiền là 25.831.100đ bao gồm 20.117.100đ tiền khắc phục hậu quả, 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.514.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, bị cáo V đã nộp để khắc phục hậu quả được tổng số tiền là 50.117.100đ trong tổng số 110.297.100đ Lê Đại V chiếm đoạt. Tại thời điểm xét xử, bị cáo Lê Đại V là người cao tuổi (67 tuổi) và có sức khỏe yếu (bị bệnh tiểu đường tuýp 2 biến chứng, có nhiều bệnh phải đi điều trị tại bệnh viện). Do bị cáo Lê Đại V có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 giảm nhẹ một phần cho bị cáo Lê Đại V, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Đại V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đại V; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Đại V.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Lê Đại V 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Đại V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Xác nhận bị cáo Lê Đại V đã nộp 25.831.100đ (Hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, một trăm đồng) gồm tiền án phí hình sự sơ

thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và tiền hoàn trả ngân sách theo Biên lai thu tiền số 0001450 ngày 08/6/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo V (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

